

**TÒA ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày 22/5/2025

V/v: *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Tâm, ông Nguyễn Ngọc Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Lệ Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2025 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2024/TLST- HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc " Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H - Sinh năm: 1982;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Thôn 5, xã V, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Chị Đinh Thị L - sinh năm 1984;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Thôn 5, xã V, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa anh H, chị L đều có mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 10 năm 2024, bản tự khai ngày 13 tháng 11 năm 2024 cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa; Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Đinh Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện L, tỉnh Thanh Hoá vào ngày 04/7/2003. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ cuối năm

2023 mâu thuẫn trầm trọng hơn đến đầu năm 2024, vợ chồng sống ly thân nhau, không quan tâm đến nhau nữa. Nay anh Nguyễn Văn H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn; Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh H được ly hôn chị Đinh Thị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, các cháu tên là Nguyễn Thị Q (Giới tính: Nữ), sinh ngày 30/4/2004 và Nguyễn Thị Ánh D (Giới tính: Nữ), sinh ngày 21/01/2011; Hiện tại cháu Q đã trưởng thành và tự lập được, nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu D, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu D ở với chị Lan; Khi ly hôn, anh H đề nghị chị Lan trực tiếp nuôi dưỡng cháu D (vì anh tôn trọng nguyện vọng của cháu D muốn ở với mẹ). Việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, anh cho rằng, anh đóng góp hỗ trợ tiền nuôi con chung tùy thuộc vào thu nhập hàng tháng của anh.

Về tài sản, công nợ và các nghĩa vụ khác: Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Toàn bộ nhà cửa chị Lan khai là của mẹ anh H, vợ chồng không có gì chung.

Tại bản tự khai ngày 13/11/2024 và nội dung trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là chị Đinh Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Đinh Thị L và anh Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện L, tỉnh Thanh Hoá vào ngày 04/7/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận đến ngày 10/3/2024 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng chung sống không hoà hợp, bất đồng quan điểm, sống không hạnh phúc. Nay anh H yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn của vợ chồng, chị Lan xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Lan đồng ý thuận tình ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con cái: Vợ chồng chị không ai có con riêng và có 02 con chung, các cháu tên là Nguyễn Thị Q (Giới tính: Nữ), sinh ngày 30/4/2004 và Nguyễn Thị Ánh D (Giới tính: Nữ), sinh ngày 21/01/2011. Hiện tại cháu Q đã trưởng thành và tự lập được, nên chị Lan không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu D, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu D ở với chị Lan. Khi ly hôn chị Lan có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là cháu D đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi), tại phiên tòa chị yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Lan từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản, công nợ và các nghĩa vụ khác:

Phân công nợ chung: Vợ, chồng không có công nợ chung, Còn về tài sản chung vợ chồng có 01 ngôi nhà 02 tầng khoảng 200m² nằm trên diện tích đất của mẹ anh H tên là Trương Thị Vân - Sinh năm 1954 tại thôn 5, xã V, huyện L, tỉnh Thanh Hoá. Chị Lan đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi khối tài sản trên mỗi người một nửa, tuy nhiên những lần làm việc tiếp theo, mặc dù đã được triệu tập và thông báo hợp lệ nhưng chị Lan không có mặt và không có ý kiến bằng văn bản, không hoàn thiện hồ sơ yêu cầu của bị đơn cho Tòa án xem xét và các tài liệu chứng cứ yêu cầu phản tố kèm theo đến Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc mặc dù Tòa án đã ra thông báo. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị Lan không cung cấp được các tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng cho Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay ban đầu chị Đinh Thị L yêu cầu

Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung của vợ, chồng trong vụ án này, nhưng sau đó chị Lan đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về phần tài sản, công nợ của vợ, chồng anh, chị bằng một vụ án dân sự khác.

Tại Biên bản xác minh ngày 20/11/2024, UBND xã V, huyện L, tỉnh Thanh Hóa nơi anh H và chị Lan cư trú hiện nay cho biết: Anh Nguyễn Văn H và chị Đinh Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện L, tỉnh Thanh Hoá vào ngày 04/7/ 2003. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn 5, xã V, huyện L, tỉnh Thanh Hoá cùng với gia đình bố mẹ anh H, sau đó khoảng năm 2003 bố anh H chết, vợ chồng anh H, chị Lan vẫn sống chung cùng với mẹ anh H từ đó đến đầu năm 2024 vợ chồng có mâu thuẫn nên chị Lan đi làm ăn ở Hà Nội thỉnh thoảng mới về, còn anh H vẫn ở địa phương từ đó đến nay. Hiện nay gia đình anh H, chị Lan vẫn có hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện L, tỉnh Thanh Hoá. Vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Đinh Thị L có 02 con chung tên là: Nguyễn Thị Q (Giới tính: Nữ), sinh ngày 30/4/2004 và Nguyễn Thị Ánh D (Giới tính: Nữ), sinh ngày 21/01/2011. Hiện tại cháu Q đã trưởng thành và tự lập được. Còn cháu D, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu D ở với chị Lan tại Hà Nội thỉnh thoảng mẹ, con mới về địa phương nên địa phương không nắm rõ. Về điều kiện kinh tế: Vợ chồng anh H, chị Lan không có đất đai chung tại xã Vĩnh Hưng, gia đình anh H, chị Lan sống chung với mẹ đẻ của anh H. Chị Lan hiện nay đã đi làm ăn xa ở Hà Nội nên chị Lan làm công việc gì thu nhập bao nhiêu, địa phương không nắm rõ. Anh H làm nghề tự do nên làm công việc gì thu nhập bao nhiêu, địa phương không nắm rõ. Về tư cách, đạo đức, lối sống, thái độ chấp hành pháp luật: Quá trình sinh sống tại thôn 5, xã V, huyện L, tỉnh Thanh Hóa anh H, chị Lan chấp hành pháp luật, có đạo đức tốt, lối sống lành mạnh không vi phạm pháp luật và của nơi cư trú.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa như sau:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận nội dung thỏa thuận, thuận tình ly hôn giữa anh H và chị Lan. Công nhận anh H và chị Lan có hai người con chung là Nguyễn Thị Q (Giới tính: Nữ), sinh ngày 30/4/2004 và Nguyễn Thị Ánh D (Giới tính: Nữ), sinh ngày 21/01/2011. Hiện tại cháu Q đã trưởng thành và tự lập được, nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị HĐXX giao cháu Nguyễn Thị Ánh D cho chị Lan trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Lan số tiền là 2.000.000 (Hai triệu đồng) đồng/01 tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 06 năm 2025.

Căn cứ vào Điều 200 BLTTDS năm 2015 đề nghị HĐXX chưa xem xét quyết về phần tài sản chung của anh H và chị Lan trong vụ án này mà dành quyền khởi kiện về phần tài sản của anh, chị bằng một vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn H có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với chị Đinh Thị L có hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện L, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Đinh Thị L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện L, tỉnh Thanh Hoá vào ngày 04/7/2003. Xác định quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị Lan là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ cuối năm 2023 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Chứng tỏ mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh H và chị Lan đều thống nhất thỏa thuận, thuận tình ly hôn; Cần căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình để công nhận sự thỏa thuận, thuận tình này của các đương sự.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Đinh Thị L thống nhất vợ, chồng có 02 con chung, tên là Nguyễn Thị Q (Giới tính: Nữ), sinh ngày 30/4/2004 và Nguyễn Thị Ánh D (Giới tính: Nữ), sinh ngày 21/01/2011; Hiện tại cháu Q đã trưởng thành và tự lập được, nên anh H, chị Lan không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu D hiện nay cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực anh H, chị Lan thống nhất giao cháu D cho chị Lan trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu D cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy giao cháu Nguyễn Thị Ánh D (Giới tính: Nữ), sinh ngày 21/01/2011 cho chị Đinh Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Ánh D số tiền 2.000.000 (Hai triệu đồng) /01 tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 06 năm 2025. Hàng tháng anh H phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi cháu D trực tiếp cho chị Đinh Thị L hoặc qua Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc.

Chị Đinh Thị L, anh Nguyễn Văn H đều có quyền làm đơn xin thay đổi mức tiền cấp dưỡng nuôi con chung bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật khi anh, chị có yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được phép ngăn cấm anh thực hiện quyền này và anh có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con theo quy định tại điều 82, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về tài sản, công nợ và các nghĩa vụ khác: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này. Chị Đinh Thị L chưa xuất trình được tài liệu, chứng cứ về phần tài sản chung của vợ, chồng cho Tòa án và cũng chưa nộp tiền tạm ứng án phí mặc dù chị đã được Tòa án thông báo và triệu tập. Tại phiên tòa ban đầu chị Đinh Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung trong vụ án này, nhưng sau đó chị Lan đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về phần tài sản, công nợ chung của vợ, chồng anh, chị bằng một vụ án dân sự khác. HĐXX căn cứ vào quy định tại điều 200 BLTTDS HĐXX quyết định không xem xét giải quyết về phần tài sản, công nợ chung của vợ, chồng anh H, chị Lan trong vụ án này mà dành quyền khởi kiện cho anh H, chị Lan về phần tài sản, công nợ chung bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 200, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 55, 57, 58, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận, thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Đinh Thị L

2. Về con chung:

2.1 Công nhận anh Nguyễn Văn H và chị Đinh Thị L có 02 người con chung là Nguyễn Thị Q (Giới tính: Nữ), sinh ngày 30/4/2004 và Nguyễn Thị Ánh D (Giới tính: Nữ), sinh ngày 21/01/2011. Cháu Nguyễn Thị Q đã đủ tuổi trưởng thành và tự lập được, nên cháu ở với ai là quyền của cháu.

2.2 Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Ánh D (Giới tính: Nữ), sinh ngày 21/01/2011 cho chị Đinh Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu Nguyễn Thị Ánh D thành niên (18 tuổi).

2.3. Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Ánh D số tiền 2.000.000 (Hai triệu đồng) /01 tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 06 năm 2025. Hàng tháng anh H phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Ánh D trực tiếp cho chị Đinh Thị L hoặc qua Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc.

Chị Lan, anh H đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng tiền nuôi con chung bằng một vụ án dân sự khác. Anh H có quyền đi lai, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở anh thực hiện quyền này và anh có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con.

3. Về tài sản, công nợ và các nghĩa vụ khác: anh Nguyễn Văn H và chị Đinh Thị L có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản, công nợ chung của vợ chồng bằng vụ án dân sự khác khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) và 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng anh được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006169 ngày 22/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Anh H còn phải nộp thêm 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi hành án Dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh H, chị Lan. Anh Nguyễn Văn H và chị Đinh Thị L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- UBND xã V, huyện L;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Sơn

